

Phan Lê Nga (2024). Đánh giá các yếu tố đóng góp và thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam. *Tạp chí nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 01(2024), 129-137

*Tạp chí Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển*

© Học viện
Chính sách
và Phát triển 2024
© CSR,2024

Bài báo khoa học

Đánh giá các yếu tố đóng góp và thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam

Phan Lê Nga (ThS)

Học viện Chính sách và Phát triển

Email: phannga82@gmail.com

Tóm tắt:

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích dịch chuyển và phân chia (SSA) để phân tích và đánh giá các yếu tố đóng góp vào thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới trong giai đoạn 2008 – 2022, dựa trên số liệu thống kê thương mại theo tiêu chuẩn phân loại thương mại quốc tế SITC (Standard International Trade Classification) ở mức 2 chữ số đối với nhóm hàng nông sản. Kết quả cho thấy thay đổi tổng giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới chủ yếu do Việt Nam đã tận dụng tốt lợi thế so sánh quốc gia. Bên cạnh đó, nhu cầu thế giới đối với hàng nông sản cũng đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam trong thời kỳ này.

Từ khóa: *xuất khẩu, hàng nông sản, phương pháp phân tích dịch chuyển và phân chia (SSA)*

Abstract:

This study uses the displacement and division analysis (SSA) method to analyze and evaluate factors contributing to changes in the value of Vietnam's agricultural exports to the world market in the period 2008. – 2022, based on trade statistics according to SITC (Standard International Trade Classification) at 2-digit level for agricultural products. The results show that the change in the total export value of Vietnam's agricultural products to the world market is mainly due to Vietnam's good use of national comparative advantages. In addition, world demand for agricultural products also contributed significantly to Vietnam's agricultural export growth during this period.

Keywords: *export, agricultural products, displacement and division analysis (SSA) method*

1. Mở đầu

Cùng với sự hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới hoạt động xuất khẩu ngày càng đóng vai trò quan trọng và đóng

Ngày nhận bài:

05/03/2024

Bản sửa lại lần 1:

25/04/2024

Ngày duyệt bài:

05/05/2024

Mã số: TC120124

góp nhiều vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua. Trong các mặt hàng xuất khẩu, hàng nông sản vẫn chiếm một vị trí nhất định trong xuất khẩu của Việt Nam nhờ những lợi thế về tự nhiên, khí hậu và lao động. Nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam đã thâm nhập và có mặt tại các thị trường lớn với yêu cầu cao như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... Bên cạnh một số mặt hàng đã có vị trí ổn định, cũng có nhiều mặt hàng mới chỉ mang tính chất giới thiệu, thăm dò thị trường, chưa có thị phần ổn định. Việc tìm hiểu và phân tích những yếu tố tác động đến giá trị xuất khẩu của các mặt hàng nông sản xuất khẩu có ý nghĩa rất quan trọng về hàm ý chính sách để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản của Việt Nam, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, tăng cường vị thế của hàng nông sản nói riêng và các mặt hàng xuất khẩu nói chung của nước ta trên thị trường thế giới trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Đã có nhiều nghiên cứu được thực hiện liên quan đến xuất khẩu nông sản nói chung hoặc xuất khẩu sản phẩm nông sản cụ thể của Việt Nam trong thời gian qua. Một số nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích, thống kê mô tả để chỉ ra các thuận lợi cũng như khó khăn trong xuất khẩu nông sản của Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam như Nguyễn Thị Thu Phương (2021), Võ Thị Phương Nhung và cộng sự (2017). Bên cạnh đó, một số nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng khi nghiên cứu về các yếu tố tác động đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Ngô Thị Mỹ (2021) sử dụng mô hình thị phần không đổi (CMS) để phân tích các yếu tố tác động đến xuất khẩu chè Việt Nam trong giai đoạn 2000 – 2019, kết quả cho thấy tác động cầu, tác động cấu trúc và tác động cạnh tranh tại mỗi thị trường là không giống nhau, từ đó tác động đến khả năng cạnh tranh của chè Việt Nam trước các đối thủ khác. Phạm Hoàng Linh (2019) đã sử dụng mô hình trọng lực mở

rộng kết hợp với cách tiếp cận biên ngẫu nhiên để ước lượng tiềm năng xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU. Kết quả cho thấy tiềm năng xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU còn cao và có dấu hiệu tiếp tục tăng.

Một số nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích dịch chuyển và phân chia (shift share analysis – SSA) trong đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam như Vũ Thắng Bình (2016), Vũ Thị Nhật Ánh (2016) và Phan Lê Nga (2022). Theo đó, cầu nhập khẩu thế giới, cơ cấu ngành và lợi thế quốc gia là những yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Các kết quả nghiên cứu cho thấy Việt Nam đã tận dụng tốt lợi thế so sánh quốc gia để đạt được tăng trưởng xuất khẩu cao trong thời kỳ nghiên cứu, đồng thời cơ cấu ngành hàng xuất khẩu đã dần có sự thay đổi phù hợp hơn với nhu cầu của thế giới. Nhìn chung, các nghiên cứu trên sử dụng phương pháp SSA để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi giá trị xuất khẩu chung của Việt Nam.

Nghiên cứu này thực hiện đánh giá các yếu tố đóng góp vào thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới bằng phương pháp SSA trong giai đoạn 2008 – 2022.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp SSA thường được sử dụng khi muốn nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố đóng góp vào sự thay đổi của năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, cơ cấu thương mại, giá trị xuất khẩu... Phương pháp này thường được thực hiện dưới hai hình thức là phương pháp phân rã cộng và phân rã nhân tùy vào nội dung và mục đích nghiên cứu. Đây là một phương pháp khá đơn giản về mặt tính toán.

Cách tiếp cận của phương pháp shift – share là dựa trên các giả định. Các giả định khác nhau sẽ cho ra đời các công thức shift – share khác nhau. Loại giả định phổ biến thứ

nhất là giả định các yếu tố khác không thay đổi để xem xét ảnh hưởng riêng phần do thay đổi của yếu tố còn lại. Chẳng hạn, đối với phân tích ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu tới thay đổi năng suất và tăng trưởng kinh tế, cách tiếp cận shift – share đưa ra các giả định về năng suất nội ngành không thay đổi để xác định ảnh hưởng riêng phần của chuyển dịch cơ cấu ngành, giả định về cơ cấu ngành không thay đổi để xác định ảnh hưởng riêng phần của thay đổi năng suất nội ngành. Loại giả định phổ biến thứ hai là giả định sự tăng trưởng của một yếu tố riêng lẻ bằng với sự tăng trưởng chung. Cách giả định này thường áp dụng để xem xét ảnh hưởng của động cơ cổ máy tổng thể, ảnh hưởng do cấu trúc và ảnh hưởng do khả năng của từng bộ phận riêng lẻ. Chẳng hạn, để xem xét các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng xuất khẩu của một quốc gia ra thị trường thế giới, cách tiếp cận shift – share đưa ra giả định thứ nhất rằng các mặt hàng của quốc gia đó có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bằng với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của toàn thế giới, từ đó, tính được ảnh hưởng của động cơ cổ máy tổng thể là tăng trưởng cầu nhập khẩu thế giới đã ảnh hưởng thế nào đến xuất khẩu của quốc gia; giả định thứ hai là các mặt hàng của quốc gia đó có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bằng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của mặt hàng tương ứng trên thị trường xuất khẩu quốc tế; từ đó, bằng việc so sánh với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chung của thị trường thế giới, có thể đánh giá sự phù hợp của cơ cấu xuất khẩu quốc gia với nhu cầu thị trường thế giới; sau cùng mới xét đến tốc độ tăng trưởng xuất khẩu thực tế từng mặt hàng của quốc gia có so sánh với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng tương ứng trên thị trường thế giới nhằm đánh giá về lợi thế so sánh của hàng xuất khẩu của quốc gia đó. Ngoài ra, còn nhiều cách tiếp cận shift – share khác với các cách giả định khác nhau.

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng cùng khung phân tích của Vũ Thắng Bình (2006), Vũ Thị Nhật Ánh (2016) và Phan Lê Nga (2022) để đánh giá các yếu tố đóng góp

vào thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam cho giai đoạn 2008 – 2022 dựa trên ba yếu tố: do thay đổi của tổng xuất khẩu nông sản thế giới (WS); do thay đổi cơ cấu các mặt hàng nông sản xuất khẩu (IM); và do khai thác lợi thế so sánh quốc gia (RS).

Trong ba yếu tố kể trên, hai thành phần IM và RS đóng vai trò quan trọng hơn vì được dùng để phân tích cơ cấu và khả năng khai thác lợi thế quốc gia cho hàng nông sản xuất khẩu. Hệ số WS chủ yếu dùng để tách ảnh hưởng của lượng tổng xuất khẩu thế giới.

Công thức tính tổng quát:

$$TS = WS + IM + RS$$

Công thức tính chi tiết các thành phần WS, IM và RS cho Việt Nam (VN) cụ thể như sau:

$$WS = \sum_{i=1}^n E_{iVN} * g_n$$

$$IM = \sum_{i=1}^n E_{iVN} * (g_{in} - g_n)$$

$$RS = \sum_{i=1}^n E_{iVN} * (g_{iVN} - g_{in})$$

Trong đó:

E_{iVN} là giá trị xuất khẩu sản phẩm nông sản i của Việt Nam.

g_n là tỷ lệ tăng trưởng của tổng xuất khẩu nông sản toàn thế giới.

g_{in} là tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm nông sản i của thế giới.

g_{iVN} là tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm nông sản i của Việt Nam.

Do vậy:

$TS = WS + IM + RS = \sum_{i=1}^n E_{iVN} * g_{iVN}$ chính là tổng tăng trưởng xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam. Việc phân tích thành các yếu tố như vậy sẽ cho thấy cơ cấu xuất khẩu nông sản của Việt Nam có phù hợp với xu thế thế giới không và lợi thế quốc gia có được khai thác hiệu quả không.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Số liệu sử dụng

Dữ liệu sử dụng để tính toán là bộ số liệu SITC Revision 4 ở mức 2 chữ số với giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới và giá trị tổng xuất khẩu hàng

nông sản thế giới do Cơ quan thống kê Liên Hiệp quốc thực hiện trên trang <https://wits.worldbank.org> trong thời kỳ 2008 - 2022.

Các nhóm hàng nông sản STIC mức 2 chữ số:

00 -- Động vật sống trừ động vật thuộc nhóm 03 (thủy sản)

01 -- Thịt và các chế phẩm từ thịt

02 -- Sản phẩm từ sữa và trứng gia cầm

04 -- Ngũ cốc và các chế phẩm từ ngũ cốc

05 -- Rau củ quả

06 -- Đường, chế phẩm đường và mật ong

07 -- Cà phê, chè, ca cao, gia vị và các sản phẩm từ chúng

08 -- Thức ăn chăn nuôi (không bao gồm ngũ cốc chưa xay xát)

09 -- Các sản phẩm và chế phẩm ăn được khác

11 -- Đồ uống

12 -- Sản xuất thuốc lá điều và thuốc lào

22 -- Hạt và quả có dầu

29 -- Nguyên liệu thô từ động vật và thực vật, chưa được phân loại.

41 -- Dầu và mỡ động vật

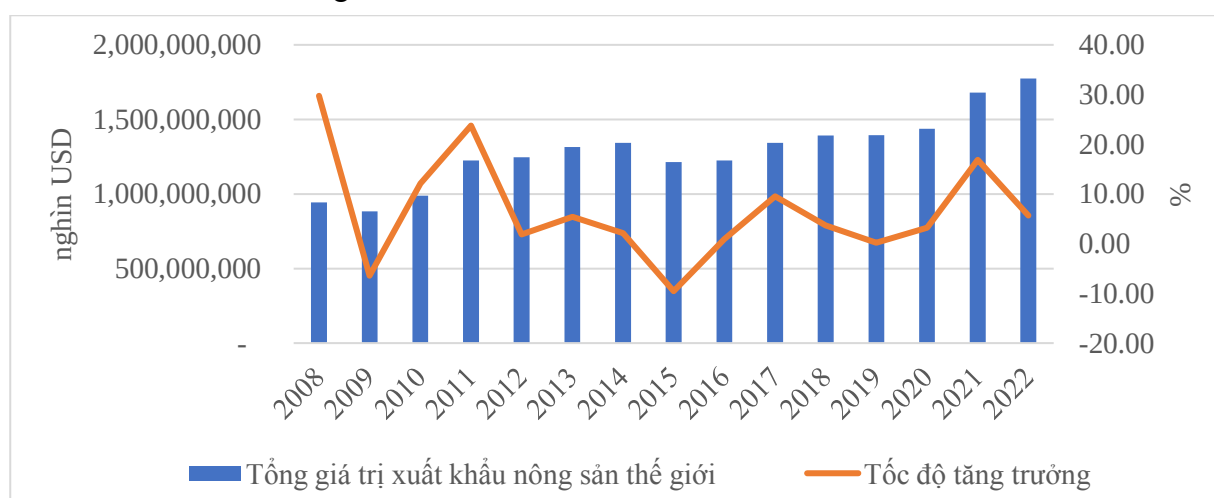
42 -- Mỡ và dầu thực vật cố định, ở dạng thô, tinh chế hoặc phân đoạn

43 -- Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật, đã chế biến; sáp có nguồn gốc động vật hoặc thực vật; hỗn hợp hoặc chế phẩm không ăn được từ chất béo hoặc dầu động vật hoặc thực vật, chưa được phân loại

4.2. Tình hình xuất khẩu hàng nông sản của thế giới và Việt Nam giai đoạn 2008 - 2022

4.2.1. Xuất khẩu nông sản của thế giới

Về giá trị và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nông sản: Nhìn chung, giá trị xuất khẩu nông sản của thế giới có xu hướng tăng trong cả giai đoạn 2008 – 2022, ngoại trừ giảm sút vào năm 2009 (giá trị xuất khẩu nông sản là gần 883 tỷ USD) và năm 2015 (với giá trị xuất khẩu nông sản là gần 1215 tỷ USD). Nguyên nhân là do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 – 2009 và sự giảm giá chung của các mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới vào năm 2015. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu nông sản của thế giới đã đạt mức cao trong hai năm 2021 – 2022 với giá trị là hơn 1680 tỷ USD, do hầu hết các quốc gia đã bước vào giai đoạn phục hồi kinh tế sau dịch Covid-19 và hoạt động xuất nhập khẩu được thực hiện bình thường trở lại.



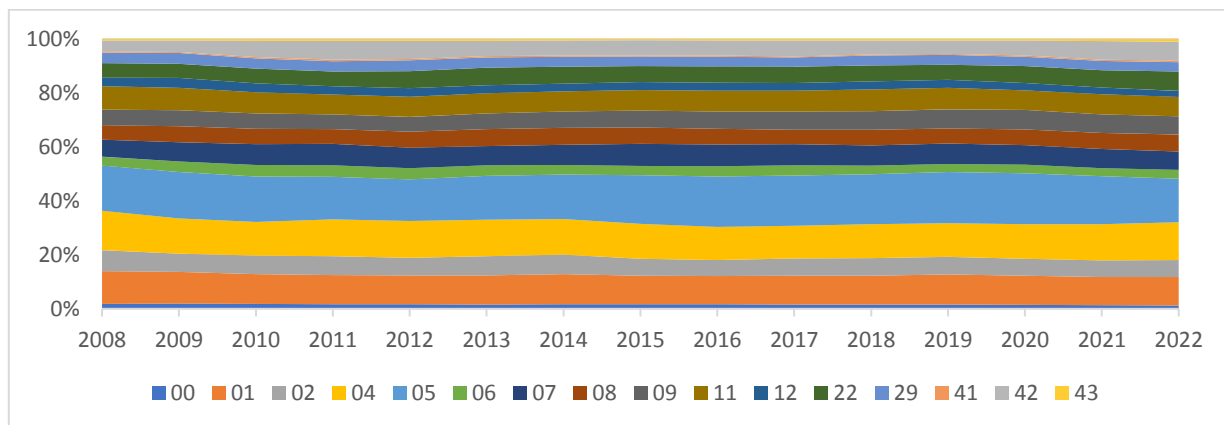
Hình 1: Giá trị và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nông sản của thế giới giai đoạn 2008 - 2022

Nguồn: tính toán của tác giả từ số liệu SITC Revision 4 do Cơ quan Thống kê Liên Hiệp quốc (UNSO) thực hiện trong thời kỳ 2008 – 2022

Tốc độ tăng trưởng bình quân của xuất khẩu nông sản thế giới giai đoạn 2008 – 2022 đạt 4,31%. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nông sản thế giới năm 2019 thấp nhất so với cả giai đoạn, chỉ đạt 0,17%. Năm 2021, xuất khẩu nông sản của thế giới tăng mạnh trở lại với mức tăng là 16,84% so với năm 2020.

Về cơ cấu các mặt hàng nông sản xuất khẩu của thế giới: Tỷ trọng các mặt hàng nông

sản xuất khẩu của thế giới khá ổn định trong cả giai đoạn 2008 – 2022, trong đó các mặt hàng nông sản có tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu nông sản của thế giới là: nhóm 05 - Rau củ quả (trung bình cả giai đoạn là 17,35%), nhóm 04 - Ngũ cốc và các chế phẩm từ ngũ cốc (trung bình cả giai đoạn là 13,13%) và nhóm 01 - Thịt và các chế phẩm từ thịt (trung bình cả giai đoạn là 10,91%).



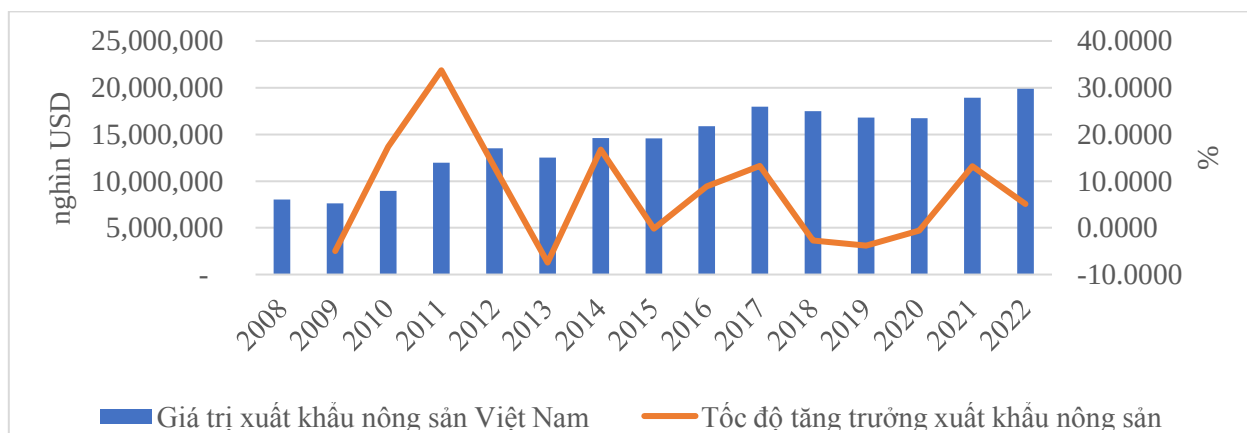
Hình 2: Cơ cấu hàng xuất khẩu nông sản của thế giới

Nguồn: tính toán của tác giả từ số liệu SITC Revision 4 do Cơ quan Thống kê Liên Hiệp quốc (UNSO) thực hiện trong thời kỳ 2008 – 2022

4.2.2. Xuất khẩu nông sản của Việt Nam ra thế giới

Về giá trị và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới: Kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới có xu hướng tăng

ổn định từ năm 2008 với 8 tỷ USD lên mức gần 20 tỷ USD năm 2022 (tăng gần 2,5 lần) – đây cũng là mức cao nhất trong kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới trong cả giai đoạn



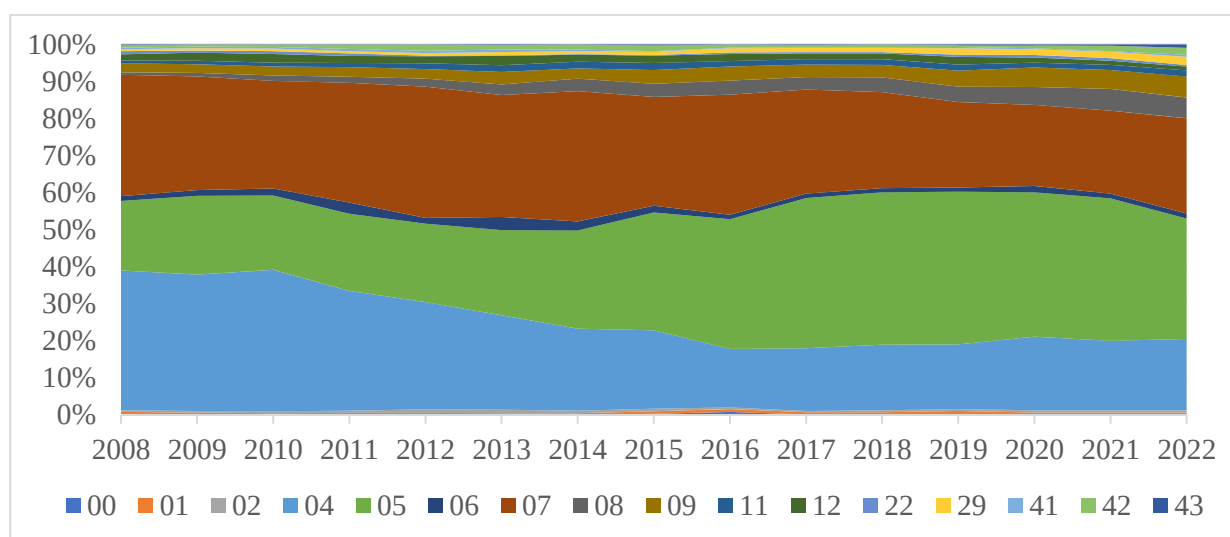
Hình 3: Giá trị và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nông sản của Việt Nam ra thế giới giai đoạn 2008 – 2022

Nguồn: tính toán của tác giả từ số liệu SITC Revision 4 do Cơ quan Thống kê Liên Hiệp quốc (UNSO) thực hiện trong thời kỳ 2008 – 2022

Từ năm 2008 đến năm 2022, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nông sản của Việt Nam có giá trị âm vào các năm 2009, 2013, 2015 và 2018 – 2020. Nguyên nhân có thể là do khủng hoảng tài chính thế giới, bất ổn về chính trị, dịch bệnh (Covid-19) khiến cầu nhập khẩu thế giới (trong đó có hàng nông sản) bị giảm sút, do giá cả nông sản xuất khẩu giảm khiến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam giảm theo, hoặc do thay đổi trong chính sách nhập khẩu nông sản của một số nước bạn hàng truyền thống của Việt Nam theo hướng giảm nhập khẩu, tăng cường khả năng tự cân đối trong nước... Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam cũng đạt được những kết quả cao vào các năm 2010 – 2012, 2014, 2017 và 2021 với tốc độ tăng

trưởng cao nhất là 33,73% năm 2011. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam ra thế giới bình quân cả giai đoạn là 6,24% - cao hơn mức tăng trưởng bình quân tổng xuất khẩu nông sản của cả thế giới là 4,31%.

Về cơ cấu các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam ra thị trường thế giới: Trong các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam ra thị trường thế giới, nhóm 04 (Ngũ cốc và các chế phẩm từ ngũ cốc) và nhóm 05 (Rau củ quả) là các mặt hàng được cầu nhập khẩu thế giới ưa thích cũng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam với mức trung bình là 54,65% giá trị xuất khẩu nông sản trong cả giai đoạn 2008 - 2022.



Hình 4: Cơ cấu các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2008–2022

Nguồn: tính toán của tác giả từ số liệu SITC Revision 4 do Cơ quan Thống kê Liên Hiệp quốc (UNSO) thực hiện trong thời kỳ 2008 – 2022

Tuy nhiên, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của nhóm 04 và nhóm 05 trong tổng xuất khẩu của Việt Nam đã có sự thay đổi, từ mức tương ứng là 37,78% và 18,7% năm 2008 thành 19,26% và 32,52% vào năm 2022. Điều này cho thấy cơ cấu hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam có sự điều chỉnh phù hợp với thay đổi của cầu nhập khẩu thế giới. Bên cạnh đó, nhóm hàng 07 - Cà phê, chè, ca cao, gia vị và các sản phẩm từ chúng – cũng chiếm tỷ trọng

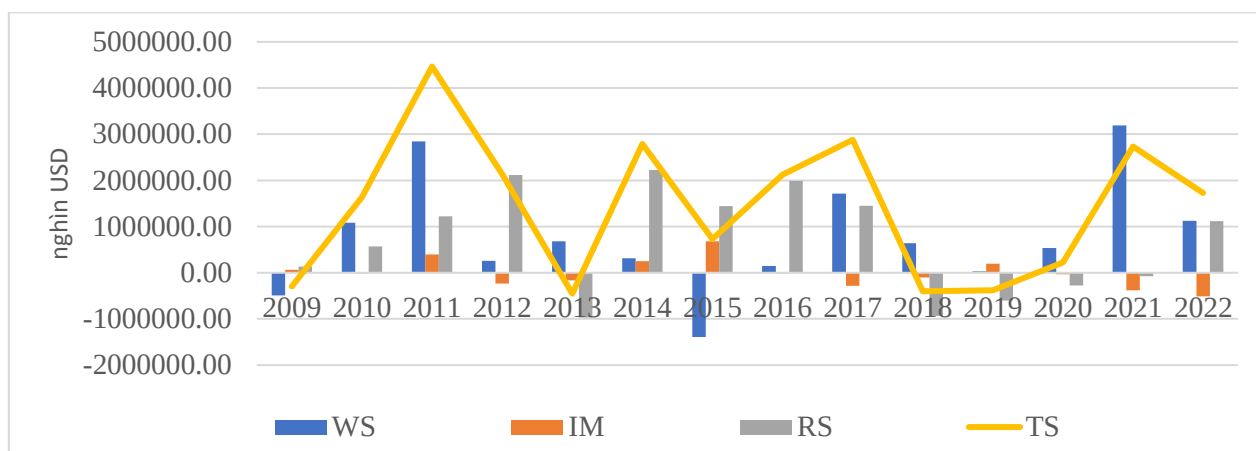
lớn trong kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam với mức trung bình là 29,15% cho cả giai đoạn 2008 – 2022.

4.3. Kết quả tính toán các yếu tố đóng góp vào thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam giai đoạn 2009 – 2022 theo phương pháp SSA

Kết quả phân tích SSA các yếu tố đóng góp vào thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới giai

đoạn 2009 – 2022: Tác giả thực hiện tính toán các yếu tố đóng góp vào thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam là WS (tổng xuất khẩu nông sản thế giới), IM (cơ cấu hàng

nông sản xuất khẩu) và RS (lợi thế so sánh của hàng nông sản Việt Nam) cho Việt Nam trong giai đoạn 2009 – 2022, kết quả thu được như sau:



Hình 5: Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam giai đoạn 2009 – 2022

Nguồn: tính toán của tác giả từ số liệu SITC Revision 4 do Cơ quan Thống kê Liên Hiệp quốc (UNSO) thực hiện trong thời kỳ 2009 – 2022

Nhìn chung, tổng TS có giá trị dương trong hầu hết giai đoạn 2009 - 2022, tương ứng với xuất khẩu nông sản của Việt Nam có xu hướng tăng trong thời kỳ nghiên cứu. Trong ba yếu tố, có thể thấy WS và RS có đóng góp nhiều vào tăng trưởng xuất khẩu nông sản của Việt Nam, hay nói cách khác, Việt Nam đã tận dụng tốt tổng xuất khẩu nông sản thế giới và lợi thế so sánh quốc gia. Thành phần WS có giá trị dương trong hầu hết các năm (trừ năm 2009 và 2015) cho thấy xuất khẩu nông sản của Việt Nam phụ thuộc vào tăng trưởng tổng xuất khẩu nông sản thế giới nói chung. Vì vậy, những năm khủng hoảng hoặc dịch bệnh... khiến tổng xuất khẩu nông sản thế giới giảm cũng tác động đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam bị giảm xuống ở các năm 2009, 2013, 2015 và 2018 – 2020. Thành phần RS hầu hết có giá trị dương (trừ các năm 2013, 2018 – 2021) cho thấy các mặt hàng nông sản trọng điểm của Việt Nam có mức tăng trưởng xuất khẩu cao hơn mức tăng trưởng xuất khẩu của mặt hàng đó trên thị trường thế giới, hay nói cách khác, các mặt hàng nông sản đó của Việt Nam có lợi thế so sánh cao và đã phát huy

tác dụng trong gia tăng giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, trong các năm gần đây (2018 – 2021), RS có giá trị âm cho thấy lợi thế so sánh của hàng nông sản Việt Nam đang bị giảm trên thị trường thế giới. Thành phần IM có giá trị âm ở hầu hết các năm cho thấy cơ cấu các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam chưa thực sự phù hợp với nhu cầu của thị trường thế giới.

Kết quả phân tích các yếu tố đóng góp thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam theo nhóm hàng giai đoạn 2009 – 2022:

Tổng xuất khẩu nông sản của thế giới (WS) đóng góp 53,46% vào tăng trưởng giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam giai đoạn 2009 – 2022, trong đó WS tăng cao nhất ở nhóm hàng 04 (Ngũ cốc và các chế phẩm từ ngũ cốc), nhóm 12 (Sản xuất thuốc lá điều và thuốc lá), nhóm 07 (Cà phê, chè, ca cao, gia vị và các sản phẩm từ chúng), nhóm 05 (Rau củ quả) và nhóm 01 (Thịt và các chế phẩm từ thịt).

Bảng 1: Ảnh hưởng của các yếu tố đến tăng trưởng giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam giai đoạn 2009 – 2022

Đơn vị: %

Nhóm hàng	Ảnh hưởng của tổng xuất khẩu nông sản thế giới (WS)	Ảnh hưởng của cơ cấu hàng nông sản xuất khẩu (IM)	Ảnh hưởng của lợi thế so sánh quốc gia (RS)
00	0.63	-1.07	100.45
01	40.06	-4.38	64.32
02	34.25	-6.03	71.77
04	170.65	16.75	-87.40
05	49.89	-7.70	57.81
06	23.82	-3.65	79.83
07	65.08	-2.06	36.98
08	28.91	8.30	62.79
09	36.35	6.59	57.06
11	35.36	-6.70	71.34
12	91.55	-53.66	62.12
22	27.75	11.96	60.29
29	25.35	-3.55	78.20
41	16.43	3.69	79.88
42	15.15	13.33	71.52
43	4.72	16.48	78.80

Nguồn: tính toán của tác giả từ số liệu SITC Revision 4 do Cơ quan Thống kê Liên Hiệp quốc (UNSO) thực hiện trong thời kỳ 2009 – 2022

Cơ cấu mặt hàng nông sản xuất khẩu (IM) đóng góp -0,69% vào tăng trưởng xuất khẩu nông sản của Việt Nam giai đoạn 2009 – 2022. Điều này cho thấy cơ cấu các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam không hợp lý và cần được điều chỉnh kịp thời để không gây ra ảnh hưởng tiêu cực lớn hơn đến giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

Lợi thế so sánh quốc gia (RS) đóng góp 47,23% vào tăng trưởng xuất khẩu nông sản của Việt Nam giai đoạn 2009 – 2022, cho thấy Việt Nam đã khai thác tốt và duy trì được lợi thế so sánh của mình để đẩy mạnh xuất khẩu

các nhóm hàng nông sản. Hầu hết các nhóm hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam đều có lợi thế so sánh ($RS > 0$), điều này là do Việt Nam có các lợi thế sẵn có về tự nhiên, khí hậu và lao động giá rẻ.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết luận

Bằng việc sử dụng phương pháp SSA phân tích các yếu tố đóng góp thay đổi giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam giai đoạn 2009 – 2022 cho thấy Việt Nam đã khai thác tốt lợi thế so sánh quốc gia (RS) cũng như tận dụng tốt tăng trưởng tổng xuất khẩu nông

sản của thế giới nói chung. Trong khi đó, cơ cấu nhóm mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam chưa thực sự phù hợp với nhu cầu của thế giới, tuy nhiên tác động không quá lớn, nếu điều chỉnh kịp thời thì sẽ phát huy nhiều hơn nữa các yếu tố thuận lợi sẵn có để gia tăng giá trị xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam trong thời gian tới.

Hàm ý chính sách

Nhu cầu đối với hàng nông sản trên toàn thế giới vẫn luôn lớn và ổn định, cùng với sự tăng trưởng về dân số và kinh tế của các quốc gia trên thế giới, đây là điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam ra thị trường thế giới. Với lợi thế so sánh quốc gia về hàng nông sản hiện có, Việt Nam cần tiếp tục giữ vững và phát huy lợi thế này để gia tăng giá trị xuất khẩu hàng nông sản trong thời gian tới. Thêm vào đó, để có thể nâng cao giá trị xuất khẩu hàng nông sản, Việt Nam cần thực hiện xuất khẩu các sản phẩm nông sản có giá trị cao. Các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản Việt Nam có thể nghiên cứu và áp dụng các công nghệ hiện đại vào quá trình thu

hoạch, sơ chế, chế biến... nhằm tăng giá trị cũng như giá bán của sản phẩm nông sản xuất khẩu, qua đó tăng giá trị xuất khẩu nông sản.

Về cơ cấu hàng nông sản xuất khẩu, Việt Nam nên điều chỉnh cơ cấu hàng xuất khẩu tập trung vào những mặt hàng có cầu nhập khẩu thế giới tăng cao đồng thời có lợi thế so sánh quốc gia cao để gia tăng giá trị xuất khẩu nhiều hơn trong thời gian tới. Hiện có 07 nhóm hàng nông sản của Việt Nam đang phù hợp với cầu nhập khẩu nông sản của thế giới và nên đẩy mạnh xuất khẩu, đó là: 04 (Ngũ cốc và các chế phẩm từ ngũ cốc), 08 (Thức ăn chăn nuôi (không bao gồm ngũ cốc chưa xay xát), 09 (Các sản phẩm và chế phẩm ăn được khác), 22 (Hạt và quả có dầu), 41 (Dầu và mỡ động vật), 42 (Mỡ và dầu thực vật cố định, ở dạng thô, tinh chế hoặc phân đoạn) và 43 (Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật, đã chế biến; sáp có nguồn gốc động vật hoặc thực vật; hỗn hợp hoặc chế phẩm không ăn được từ chất béo hoặc dầu động vật hoặc thực vật, chưa được phân loại).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thắng Bình (2006) - “Cơ cấu và lợi thế so sánh của hàng xuất khẩu Việt Nam – một cách tiếp cận định lượng” - *Tạp chí Cộng sản*, số 20, trang ...
2. Vũ Thị Nhật Ánh (2016) - “Nguồn gốc tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 1997 – 2014” - *Hội thảo “Chiến lược phát triển công nghiệp của Việt Nam khi gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái bình dương (TPP)”* - Học viện Chính sách và Phát triển (11/2015).
3. Phan Lê Nga (2022) - “Xu hướng xuất khẩu của Việt Nam trong bức tranh thương mại thế giới” - *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 17, 06/2022 trang
4. Nguyễn Thị Thu Phương (2021) - “Phát triển thị trường xuất khẩu nông sản Việt Nam trong bối cảnh hiện nay” - *Tạp chí Công thương*, số 14 – tháng 6/2021, trang
5. Võ Thị Phương Nhung và cộng sự (2017) – “Xuất khẩu rau quả Việt Nam – thực trạng và giải pháp” - *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp* tháng 10/2017, trang
6. Ngô Thị Mỹ (2021) – “Biến động của các yếu tố tác động đến xuất khẩu chè Việt Nam: sử dụng mô hình thị phần không đổi (CMS)” - *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, số 285 tháng 3/2021, trang
7. Phạm Hoàng Linh (2019) – “Phân tích tiềm năng xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Liên minh Châu Âu (EU)” – Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Đại học, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.
8. Cơ quan Thông kế Liên hiệp quốc (UNSO), Số liệu thống kê thương mại theo Tiêu chuẩn SITC, <https://wits.worldbank.org>